



## GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN VIMUTTI MAGGA

*Thiền Nhứt chuyển dịch sang tiếng Việt*



### Quyển Sáu

#### Phẩm 8, Chi 3: Các Nhứt thiết nhập (tiếp) Mười Tướng bất tịnh & Mười Niệm

*Hỏi:* Thế nào là **Nhứt thiết nhập Hư-không**? Thế nào là *tu*, tướng, vị, xứ và công đức? Giữ tướng ấy thế nào?

*Đáp:* **Nhứt thiết nhập Hư-không** có hai loại: (1) Hư-không liả khỏi sắc; (2) Hư-không chẳng liả sắc. Tướng của Nhứt thiết nhập Hư-không là Hư-không liả khỏi sắc. Năm giữ tướng Hư-không nơi trông vắng là Hư-không còn chưa liả sắc. Tu hành giữ tướng đó khi tâm an trú chẳng loạn động, đó gọi là *tu*. Từ nơi tướng về Hư-không mà phóng ý ra, đó gọi là *tướng*. Chẳng hề liả tư tướng về Hư-không là *vị* (tức là chức năng của Nhứt thiết nhập Hư-không). Sự tác ý (= khởi lên suy nghĩ) chẳng hề sai khác với tư tướng đó, đó là *xứ* (tức là phạm vi hoạt động của Nhứt thiết nhập Hư-không). Về *công đức* (= sự ích lợi) của Nhứt thiết nhập Hư-không, có hai công đức chẳng đồng với các Nhứt thiết nhập khác: (1) vượt xuyên qua chẳng bị ngăn ngại khi gặp tường vách, núi non; (2) thân đi qua lại chẳng ngại, tự tại và chẳng lo sợ.

*Giữ tướng Hư-không* bằng cách nào? Nơi Nhứt thiết nhập Hư-không, nắm giữ tướng Hư-không. Nếu ở nơi thiên nhiên, người quen tọa thiền có thể giữ được tướng Hư-không khi thấy lỗ hổng nơi song cửa, hoặc giữa cây cối, theo đó mà thường nhìn, đầu vui hay chẳng vui cũng sẽ thấy được tướng bị phần của Hư-không khởi lên, chẳng giống như người mới tập thiền. Người này chỉ thấy được tướng đó ở những nơi có tạo tác, chuẩn bị sẵn, chớ ở nơi thiên nhiên thì chẳng thấy được. Hoặc tại trong nhà, hoặc ở ngoài, nơi chẳng có ngăn ngại, người ấy khoét một lỗ trống nơi tường vách, và khởi lên tướng về Hư-không.

Có ba cách để nắm giữ tướng ấy: (1) nên quán (= nhìn xem kỹ) cho đều đặn, bình đẳng; (2) biết khéo nhìn; (3) tránh nơi loạn động. Nhứt thiết nhập Hư-không đưa đến Tứ thiên, Ngũ thiên. Phần còn lại đã được nói rộng qua trước đây.

*Nhứt thiết nhập Hư-không chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Nhứt thiết nhập Thức**?

*Đáp:* Đó là Thức Hư-không, sự nhập định về Thức vô biên xứ. Phần còn lại đã được nói rộng qua trước đây.

*Mười Nhứt thiết nhập chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Tán cú về Nhứt thiết nhập**? (tức là các vấn đề *linh tinh* về Nhứt thiết nhập)

*Đáp:* Nếu một tướng được tự tại (thuần thực), các tướng khác của các Nhứt thiết nhập còn lại cũng được tự tại, tác ý được tùy theo ý muốn. Nếu từ nơi một Nhứt thiết nhập mà vào được Sơ thiên và an trú ở đó, thì các Nhứt thiết nhập còn lại có thể khởi lên Nhị thiên. Như thế, được tự tại ở Nhị thiên, thì có thể khởi lên Tam thiên; từ Tam thiên có thể sang Tứ thiên.

*Hỏi:* Trong các Nhứt thiết nhập, cái nào là tối thắng (= cao đẹp hơn hết)?

*Đáp:* Bốn Nhứt thiết nhập về Màu Sắc là tối thắng, vì thành được sự giải thoát. Nhứt thiết nhập Bạch (= trắng) là tối thắng vì chiếu sáng lên khiến tâm được tự tại.

Nhập vào định nơi các nhứt thiết nhập thì đắc được mười sáu việc an tướng: (1) khởi lên tướng tùy nơi mình muốn; (2) tùy ý mình thích mà vào định; (3) tùy ý; (4) chẳng trở ngại; (5) đi lên theo thứ tự; (6) đi xuống theo thứ tự; (7) lên và xuống theo thứ tự; (8) khiến tăng trưởng mỗi thứ; (9) khiến tăng trưởng chung; (10) hoặc bỏ đoạn giữa; (11) hoặc bỏ một phần; (12) hoặc bỏ đối tượng; (13) hoặc bỏ một phần và đối tượng; (14) hoặc đầy đủ các phần; (15) hoặc đầy đủ đối tượng; (16) hoặc đầy đủ vừa phần vừa đối tượng.

(1) *Tùy nơi mình thích* là hoặc tại thôn xóm, hoặc nơi yên vắng, nếu đó là chỗ mình thích thì liền nhập vào Tam-muội (= chánh định).

(2) *Tùy ý mình thích* là khi vui hành thiền liền nhập vào thiền định.

(3 4) *Tùy lúc mình thích* là theo ý mình muốn mà nhập vào Tam-muội hoặc nhiều lần nhập vào chánh thọ.

(5) *Đi lên theo thứ tự* là từ nhập vào Sơ thiên, theo thứ lớp vượt lần sang đến Phi phi tướng xứ.

(6) *Đi xuống theo thứ tự* là từ cõi định Phi phi tướng xứ lần lượt xuống đến Sơ thiên.

(7) *Lên, xuống theo thứ tự* là khéo đi và trở lại, từ Sơ thiên vào Tam thiên, từ Tam thiên vào Nhị thiên, từ Nhị thiên vào Tứ thiên, cứ như thế cho đến Định Phi phi tướng.

(8) *Khiến tăng trưởng mỗi thứ* là theo thứ lớp nhập vào Tứ thiên, hoặc đi lên, hoặc đi xuống.

(9) *Khiến tăng trưởng chung* là nhập vào Tứ thiên rồi từ đó vào Hư-không, rồi vào Tam thiên. Như thế, nhập vào định do hai ngã đó.

(10) *Bỏ đoạn giữa* là đã nhập vào Sơ thiên, từ đó liền nhập vào Phi phi tướng xứ, từ nơi đây lại nhập vào Nhị thiên, để đi thẳng đến Vô sở hữu xứ. Như thế, hiện nhập chánh thọ và hiểu được Hư-Không-xứ.

(11) *Bỏ một phần* là nhập thiền nơi tám nhứt thiết nhập rồi nhập vào định;

(12) *Bỏ đối tượng* là nơi hai nhứt thiết nhập liền nhập vào định;

(13) *Bỏ phần và đối tượng* là hai định và nhứt thiết nhập;

(14) *Đầy đủ phần* là nơi hai nhứt thiết nhập nhập vào hai Nhị thiên;

(15) *Đầy đủ đối tượng* là nơi hai hai nhứt thiết nhập nhập hai Nhị thiên;

(16) *Đầy đủ cả phần lẫn đối tượng* là nói gồm lại cả hai câu (14) và (15) trên đây.

*Phân tán cú (= linh tinh) chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Tướng sinh chướng**? Thế nào là tu, tướng, vi, xứ, công đức của **tướng sinh chướng**? Giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* **Tướng sinh chướng** là tình trạng sung phù tướng lên của một xác chết bốc mùi hôi thúi khắp chôn. Nơi tướng sinh chướng đó, dùng chánh trí mà biết đến, đó gọi là **tướng sinh chướng**. Tu theo tướng đó, tâm an trú chẳng loạn, đó gọi là **tu**. Quan sát kỹ lưỡng theo đúng nơi tướng sinh chướng ấy gây nên sự chán ghét tướng sinh chướng, đó là **vi**, hay chức năng của tướng sinh chướng. Khởi lên ý tướng (= tác ý) về sự ô uế, bất tịnh (= chẳng sạch), đó là **xứ**, hay là phạm vi hoạt động của tướng sinh chướng. Tướng sinh chướng có chín công đức (= ích lợi) giúp cho hành giả: (1) thấy rõ được niệম về nội thân, (2) có được tư tưởng về vô thường, (3) có tư tưởng về sự chết (= tử niệম), (4) được sự nhàm chán về lỗi lầm, (5) khắc

phục được các sự ham muốn về giác quan, (6) cắt đứt sự kiêu mạn về sắc đẹp, (7) bỏ được sự kiêu mạn về chẳng bệnh hoạn, (8) hướng về các đường lành, (9) hướng về Niết-bàn.

*Giữ tướng sinh chương cách nào?* Người mới tập thiền hiện giữ tướng sinh chương bất tịnh, một mình đi đến nơi có nhiều từ thi ô uế. Người ấy giữ tâm niệm chẳng động, chẳng ngu si, các căn hướng vào trong, tâm chẳng lang thang bên ngoài. Đền chôn ấy, tránh ngược gió, cách tương bất tịnh chẳng gần cũng chẳng xa, hoặc ngồi, hoặc đứng dựa. Gần nơi bất tịnh, hoặc có phiến đá, hoặc gò đất, hoặc bụi cây, hay giầy leo, người ấy lấy vật này làm tướng, vật kia làm đối tượng, rồi khởi lên suy nghĩ: "Phiến đá này bất tịnh, đó là tướng bất tịnh; gò đất kia bất tịnh, đó là đối tượng bất tịnh..." Sau khi tướng và đối tượng đã lập xong, người ấy bắt đầu thực tập quán tướng bất tịnh sinh chương, theo mười cách này: (1) theo sắc, (2) theo hình nam hay nữ, (3) theo phương hướng, (4) theo xứ sở, (5) theo phân biệt, (6) theo đốt xương, (7) theo lỗ hồng (= không huyết), (8) theo hang hổ, (9) theo bằng phẳng, và (10) theo mọi khía cạnh.

(1) *Theo sắc* là, nếu đen quán thấy đen, nếu chẳng đen chẳng trắng quán thấy chẳng đen chẳng trắng, nếu trắng quán thấy trắng, nếu da hôi thúi quán thấy da hôi thúi.

(2) *Theo hình* là, nếu hình người nữ, người nam theo đó mà quán trẻ, đứng tuổi hay đã già; nếu cao lớn quán thấy cao lớn, nếu thấp lùn quán thấy thấp lùn, nếu mập mạp quán thấy mập mạp, nếu gầy ốm quán thấy gầy ốm, tùy theo hình dạng mà quán.

(3) *Theo phương hướng* là, đầu ở hướng này, tay ở hướng kia, chơn ở hướng nọ, lưng ở hướng này, bụng ở hướng kia, còn ta đang ngồi theo phương này và tướng bất tịnh ở phương kia.

(4) *Theo xứ sở* là, chỗ này ánh sáng chiếu vào là tay, chỗ kia ánh sáng chiếu vào là chơn, chỗ nọ ánh sáng chiếu vào là đầu, còn ta đang ngồi nơi dưới ánh sáng này và tướng bất tịnh đang ở phía dưới ánh sáng kia.

(5) *Theo phân biệt* là, từ đầu chí đến chơn, từ dưới lên trên đầu, tóc, còn da ở ngoài bìa, tất cả đều trông như một đồng phân.

(6) *Theo đốt xương* là, nơi hai tay có sáu đốt xương, nơi hai chơn có sáu đốt, và đốt xương cổ, đốt xương mông, cả thảy là mười bốn đốt xương lớn.

(7) *Theo không huyết* (= lỗ hồng) là, quán miệng hoặc há ra hay ngậm lại, quán mắt mở hay nhắm, quán nơi lòng bàn tay, gang bàn chơn.

(8) & (9) *Theo hang hổ, theo bằng phẳng* là, quán tùy theo tướng bất tịnh ở vào chỗ trũng thấp hay ở trên đất, hoặc tướng bất tịnh đang ở trên mặt đất, còn ta đang ở nơi trũng thấp, hay ngược lại.

(10) *Theo mọi khía cạnh* là, ta chẳng ngồi gần quá hay xa quá, cách tướng bất tịnh chừng hai hay ba tâm (một tâm dài độ hơn ba thước), nhìn vào mọi khía cạnh.

Người tọa thiền ấy tùy theo tất cả sự vật mà chánh quán, thấy được tướng sinh chương đó:  
*Lành thay! Lành thay!*

Như thế mà thọ trì, khéo được tự an. Người tọa thiền ấy đã khéo giữ tướng, đã khéo thọ trì, đã khéo tự an, đi một mình chẳng có bạn, tâm niệm chẳng động, chẳng ngu si, các căn hướng vào trong, tâm chẳng ra ngoài, bước tới bước lui trên đường. Khi đi hoặc khi ngồi, đều quán tướng bất tịnh ấy, tâm thương thọ trì. *Chẳng có bạn đồng hành*, nghĩa là gì? Khiến cho thân được yên tịch. *Khiến cho niệm chẳng động* có nghĩa là, chẳng ngu si, hướng các căn quay vào trong, tâm chẳng ra ngoài. *Đi tới đi lui trên đường*, nghĩa là gì? Khiến cho thân được yên tịch. *Lià nơi ngược gió*, nghĩa là gì? Vì muốn tránh mùi hôi thúi. *Ngồi chẳng gần chẳng xa*, nghĩa là gì? Nếu ngồi xa, chẳng năm giữ được tướng. Nếu ngồi gần, chẳng sanh ra chán ghét tướng ấy, chẳng thấy được bản tánh của tướng ấy. Khi chẳng thấy được bản tánh thì *tướng ấy* chẳng khởi lên, bởi thế cho nên chẳng ngồi gần mà cũng chẳng ngồi xa. *Quán tướng khắp mọi khía cạnh*, nghĩa là gì? Khiến trừ được sự ngu si. *Chẳng ngu si* là, khi người tọa thiền đến nơi yên vắng, thấy trước mặt *tướng bất tịnh*, tâm phát lên lo sợ, nếu từ thi có đứng dậy, thì anh cũng chẳng đứng lên, mà tâm lại suy nghĩ: dùng chánh niệm, chánh trí mà *quán tướng ấy* khắp mọi khía cạnh; cứ như thế mà tác ý, đó là chẳng ngu si.

*Hỏi: Năm giữ tướng bất tịnh theo mười cách, nghĩa gì?*

*Đáp: Vì để cột tâm lại nơi tướng mà quán.*

*Đi tới đi lui trên đường, nghĩa gì? Để có thứ tự trong việc thực tập theo pháp. Thực tập thứ tự theo pháp nghĩa là, đầu người tọa thiền đã đến nơi yên vắng, nhưng tâm có lúc xao động, nếu chẳng thường quán, thì tướng bất tịnh chẳng khởi lên, bởi thế cho nên người ấy phải luôn luôn nhiếp tâm, phải quán khi đi tới đi lui trên đường, phải quán khi ngồi, phải quán khắp mọi khía cạnh, phải quán theo mười cách nói trên để năm giữ tướng. Người tọa thiền ấy quán như thế nhiều lần, cho đến khi tướng khởi lên như thấy được trước mắt, đó là có tiến bộ trong việc thực tập thứ tự theo pháp.*

Người mới tập thiền quán tướng từ thì xem như trần bảo, tâm sanh hoan hi, thường thọ trì tu hành, diệt được các triển cái, khởi lên các thiền chi. Người ấy là được các ham muốn, và các pháp chẳng lành, có giác, có quán, an tịch khiến sanh mừng (hỉ), vui ( lạc), nhập vào định của Sơ thiền, qua tướng *sinh chương*.

*Hỏi: Tại sao Tướng bất tịnh khởi lên Sơ thiền mà chẳng khởi các Thiền khác?*

*Đáp: Cách này vì khởi lên sự quán làm thành một nơi cột buộc tâm, thường tùy vào đó mà giác quán; khi có giác quán thì tướng mới hiện được, chẳng giác quán thì tướng chẳng hiện lên; bởi thế chỉ khởi lên có Sơ thiền, còn các thiền khác chẳng khởi. Lại có thuyết cho rằng, nơi tướng bất tịnh này, sắc, hình, và các thứ khác, chẳng do cùng một cách tư duy mà khiến khởi lên; khi tư duy, các thứ sắc, hình, là đối tượng của giác và quán, nếu lia giác quán thì tư duy về chúng chẳng thành được, do đó chỉ có Sơ thiền khởi lên, các thiền khác chẳng khởi. Lại còn có thuyết cho rằng, tướng bất tịnh là một đối tượng chẳng kham chịu đựng, tâm khó cất lên nổi. Tại một nơi bất tịnh, mừng vui chỉ có thể khởi lên khi nào khéo léo bỏ được giác và quán về đối tượng khó kham chịu là hôi thúi, do đó chỉ có Sơ thiền khởi lên thôi, các thiền khác thì không.*

*Hỏi: Trước một đối tượng khó kham chịu đựng, vì sao khởi lên được hi (= mừng) và lạc (= vui)?*

*Đáp: Đối tượng khó kham chịu được chẳng phải là nguyên nhân làm khởi lên mừng vui. Và lại, do khéo léo bỏ được sức nóng bức của triển cái, tâm được tự tại, mừng vui mới khởi lên. Các điều còn lại đã được nói rộng qua trước đây.*

*Tướng sinh chương chấm dứt.*

*Hỏi: Thế nào là tướng bầm xanh? Thế nào là tu, tướng, vị xứ, công đức? Giữ tướng ấy cách nào?*

*Đáp: Tướng bầm xanh là, hoặc chết một đêm, hay hai ba đêm, thân thành tướng bầm xanh, như bị nhiễm màu tái xanh, đó gọi là tướng bầm xanh. Lấy chánh trí mà biểu biết về tướng đó, là tướng bầm xanh. Tâm an trú chẳng loạn nơi tướng đó, gọi là tu. Sự thọ trì tướng bầm xanh là tướng. Chán ghét là vị, tức là chức năng của tướng bầm xanh. Ý tưởng về sự chẳng kham chịu nổi là xứ, tức là phạm vi hoạt động của tướng bầm xanh. Công đức (= sự ích lợi) cũng giống như Tướng sinh chương. Năm giữ tướng ấy cách nào, giống như đã nói rộng qua trước đây.*

*Tướng bầm xanh chấm dứt.*

*Hỏi: Thế nào là tướng rỉ mủ? Thế nào là tu, tướng, vị, công đức? Giữ tướng ấy cách nào?*

*Đáp:* Ri mù là, hoặc chét hai, ba đêm, mù máu ri chảy ra như chất bơ trâu rưới khắp châu thân, đó gọi là *ri mù*. Nơi tướng ri mù, lấy chánh trí mà hiểu biết, đó gọi là *tướng ri mù*. Tâm am trú chẳng loạn nơi tướng đó, gọi là *tu*. Thọ trì tướng ri mù là *tướng*. Ghê chán là *vi*, hay chức năng của tướng ri mù. Khởi lên ý chẳng kham chịu nổi là *xứ*, tức là phạm vi hoạt động của tướng ri mù. *Công đức* (ích lợi) của tướng ri mù cũng giống như tướng sinh chương. Về cách nắm giữ tướng ri mù, có thể biết được, như đã nói rộng qua ở trước.

*Tướng ri mù chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **tướng đâm chém nát**? Thế nào là tu, tướng, vi, xứ, công đức của tướng đâm chém nát? Giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* Đâm chém nát là, hoặc dùng dao, kiếm đâm chém thân thể nát ra. Lại nữa, khi vứt bỏ tử thi, đó cũng gọi là *đâm chém nát*. Nơi bị đâm chém nát mà dùng chánh trí để hiểu biết, đó gọi là *tướng đâm chém nát*. Tâm trú chẳng loạn vào tướng đó, gọi là *tu*. Suy gẫm đến tướng đâm chém nát là *tướng*; khởi sanh sự chán ghét tướng đó là *vi*, hay chức năng của tướng đâm chém nát. Có ý tưởng về sự bất tịnh (= chẳng sạch) là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng đâm chém nát. *Công đức*, hay sự ích lợi, giống như tướng sinh chương.

*Hỏi:* Nắm giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* Nắm giữ tướng đâm chém nát tại nơi hai vành tai hay hai ngón tay tách khỏi thân thể, cách một hai khoảng trống. Phần còn lại nói về tướng này cũng giống như đã được nói rộng qua trước đây.

*Tướng đâm chém nát chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **tướng bị gặm nhấm**? Thế nào là tu, tướng, vi, xứ, công đức? Giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* Bị gặm nhấm là, hoặc quạ, chim thước, chim ưng, chim diều, chim thúu, chó, cọp, sói, beo cắn xé, đó gọi là bị gặm nhấm. Nơi tướng ấy, dùng chánh trí mà hiểu biết, gọi là *tướng bị gặm nhấm*. Tâm trú vào tướng đó chẳng loạn, gọi là *tu*. Tư tưởng về sự bị gặm nhấm là *tướng*. Khởi lên sự chán ghét là *vi*, hay chức năng của tướng bị gặm nhấm. Có ý tưởng về sự bất tịnh (= chẳng sạch) là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng bị gặm nhấm. Sự ích lợi (*công đức*) của tướng này giống như tướng sinh chương. Chỗ còn lại cũng như đã được nói rộng qua trước đây.

*Tướng bị gặm nhấm chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **tướng vứt bỏ rã rời**? Thế nào là tu, tướng, vi, xứ, công đức? Giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* Vứt bỏ là, đầu mình và tay chơn bị phân tán rã rời, vứt bỏ đó đây khắp nơi. Nơi tướng bị vứt bỏ đó, dùng chánh trí mà hiểu biết, gọi là *tướng vứt bỏ rã rời*. Tâm trú chẳng loạn vào tướng này là *tu*. Thọ trì tướng vứt bỏ rã rời là *tướng*. Sự chán ghét là *vi*, hay chức năng của tướng vứt bỏ rã rời. Có ý tưởng về sự bất tịnh (= chẳng sạch) là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng ấy. *Công đức* (ích lợi) của tướng này giống như tướng sinh chương.

Nắm giữ tướng vứt bỏ rã rời cách nào? Gom hết các phần thân thể lại tại một nơi, sắp xếp các phần cách nhau chừng đôi phân, rồi khởi lên tướng vứt bỏ rã rời để nắm giữ.

Phần còn lại như đã được nói rộng qua trước đây.

*Tướng vứt bỏ rã rời chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào **tướng giết chết vứt bỏ**? Thế nào là tu, tướng, vị, xứ, công đức? Giữ tướng ấy cách nào?

*Đáp:* Bị giết chết vứt bỏ là, hoặc do đao, gậy, hoặc do cung tên, đâm chém khắp nơi trên thân người chết và vứt bỏ đi. Nơi tướng đâm chém giết hại đó, dùng chánh trí mà hiểu biết đến, gọi là **tướng giết chết vứt bỏ**. Tâm trí chẳng loạn vào tướng ấy, là *tu*. Thọ trì tướng giết chết vứt bỏ là **tướng**. Khởi lên sự chán ghét là *vị*, hay chức năng của tướng đó. Có ý tưởng về sự bất tịnh (= chẳng sạch) là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng giết chết vứt bỏ. **Công đức** (ích lợi) của tướng này cũng giống như tướng sinh chương. Nắm giữ tướng ấy cách nào, như đã được nói rộng qua trước đây.

*Tướng giết chết vứt bỏ chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Tướng dính máu huyết**? Thế nào là tu, tướng, vị, công đức? Giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* Dính máu huyết là, hoặc chém đứt đầu mình tay chơn liả ra, máu đổ dính đầy thân thể. Nơi tướng dính máu đó, dùng chánh trí mà hiểu biết, đó gọi là **tướng dính máu huyết**. Tâm trí chẳng loạn nơi tướng ấy là *tu*. Thọ trì tư tưởng dính máu huyết là **tướng**. Khởi lên sự chán ghét là *vị*, hay chức năng của tướng đó. Có ý tưởng về sự bất tịnh (= chẳng sạch) là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng dính máu huyết. **Công đức** (ích lợi) của tướng này cũng giống với tướng sinh chương.

Nắm giữ tướng này cách nào đã được nói rộng qua trước đây.

*Tướng dính máu huyết chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **tướng trùng hôi**? Thế nào là tu, tướng, vị, xứ, công đức? Giữ tướng đó cách nào?

*Đáp:* Trùng hôi là, các loại trùng sanh sản khắp thi thể, tu lại giống như trái châu trắng. Nơi tướng trùng hôi đó, dùng chánh trí mà hiểu biết đến, gọi là **tướng trùng hôi**. Tâm trí chẳng loạn vào tướng ấy là *tu*. Thọ trì tư tưởng trùng hôi là **tướng**. Khởi lên sự chán ghét là *vị*, hay chức năng của tướng trùng hôi. Có ý tưởng về sự bất tịnh (= chẳng sạch) là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng ấy. **Công đức** (ích lợi) cũng giống với tướng sinh chương.

Nắm giữ tướng trùng hôi cách nào, cũng giống như đã nói rộng qua trước đây.

*Tướng trùng hôi chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **tướng xương**? Thế nào là tu, tướng, vị, xứ, công đức? Giữ tướng ấy cách nào?

*Đáp:* Xương là, các khúc xương còn dính liền nhau như móc câu nhờ máu, thịt và gân nối lại, hoặc chẳng còn máu thịt chỉ còn gân. Nơi tướng xương đó, dùng chánh trí mà hiểu biết đến, đó gọi là **tướng xương**. Tâm trí chẳng loạn vào tướng ấy, là *tu*. Thọ trì tướng xương là **tướng**. Khởi lên sự chán ghét là *vị*, hay chức năng của tướng xương. Có ý tưởng về sự bất tịnh (chẳng sạch), là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của tướng xương. **Công đức** (ích lợi) cũng giống như trường hợp tướng sinh chương. Giữ tướng xương cách nào, đã được nói rộng qua ở trước.

*Tướng xương chấm dứt.*

*Hỏi:* Về **bất tịnh xứ** (= các nơi do), có **các vấn đề linh tinh** (= **tán cú**) nào?

*Đáp:* Người mới tập thiền có nhiều phiền não nặng nề, chẳng nên nắm giữ tướng chẳng cùng một loại phiền não. "*Chẳng cùng một loại phiền não*" có nghĩa như thân người nam với thân người nữ. Nếu nghiệp chẳng thanh tịnh, chẳng nên nhơn tướng bất tịnh mà tác ý. Tại sao vậy? Vì thường quán về đối tượng ấy, nên sự nhàm chán chẳng khởi sanh lên. Nơi thân súc sanh, chẳng khởi được tướng tịnh. Nơi một khúc xương, nếu tướng xương khởi lên, nên nắm giữ lấy cho thuần thực. Đối với một đồng xương, cũng lại như thế. Nếu tướng bất tịnh do từ sắc mà khởi lên, nên quán nhưt thiết nhập. Nếu tướng ấy khởi lên từ hư không, nên quán tướng nam. Nếu tướng bất tịnh khởi, nên quán về bất tịnh.

*Hỏi:* Tại sao chỉ có mười tướng bất tịnh, chẳng nhiều hay chẳng ít hơn?

*Đáp:* Vì sự lỗi lầm của thân có mười loại. Lại nữa có mười loại tánh người, thành ra có mười loại tướng về bất tịnh. Người nhiều tham dục nên quán tướng sinh chương. Người tham ái sắc dục nhiều, nên quán tướng bầm xanh; người muốn tịnh lòng dục nên quán tướng ri mù; các hạng người còn lại có thể suy ra để tự biết được.

Lại nữa, tướng bất tịnh rất khó đắc được, bởi vì tất cả các tướng bất tịnh là để đối trị lòng dục. Vì thế, nếu người nhiều lòng dục thấy được tướng bất tịnh, nên liền nắm giữ lấy. Bởi lẽ ấy mới nói tất cả các tướng bất tịnh thuộc vào mười loại tướng bất tịnh.

*Hỏi:* Tại sao chẳng khiến các tướng bất tịnh tăng trưởng lên?

*Đáp:* Nếu có người muốn chán ghét lòng ham muốn, người ấy nên khiến khởi lên tự tánh về thân tướng của mình. Tại sao? Nếu có được tướng về tự tánh của thân mình, nhờ đó mau khởi lên sự chán ghét mà đắc được tướng bi phân. Nếu khiến cho tướng bất tịnh tăng trưởng thêm, thì thân tướng lại bị mất, khiến cho sự chán ghét chẳng mau khởi lên được. Vì lẽ đó, chẳng nên khiến tướng bất tịnh tăng trưởng thêm.

Lại có thuyết cho rằng, người đã dứt được ham muốn, muốn tu thành đại tâm, nên tăng trưởng tướng bất tịnh, như trong A-tỳ-đàm (*Abhidhamma, Luận tạng*) có nói: "Người đã ly dục nhập vào Sơ thiên, trú trong chánh thọ về tướng sinh chương, khởi lên được đối tượng vô biên."

Như Đại đức Singalapita có nói kệ:

*Tỳ-kheo hường gia tài Phật,  
Nơi cánh rừng đáng lo sợ,  
Đã tu hành về tướng xương,  
Khiến cho trần khắp đất này,  
Ta biết vị Tỳ-kheo ấy  
Sớm đoạn được lòng ham muốn."*

*Hỏi:* Thế nào là **Niệm Phật**? Thế nào là tu, tướng, vị, xứ, công đức? Tu hành *niệm Phật* cách nào?

*Đáp:* Phật là, được đời tôn trọng, tự nhiên chẳng có thầy mà hiểu đứng đắn Chơn lý nhiệm mầu chưa từng nghe nói đến, biết tất cả, đầy đủ quyền lực và tự tại, đó gọi là Phật. Niệm Phật là niệm Đức Phật, Thế tôn, chánh biến tri, công đức đạo Bồ-đề. Niệm phải theo sát niệm, chẳng mất niệm căn và niệm lực, luôn luôn giữ niệm trong chánh niệm, đó gọi là *niệm Phật*. Tâm an trú chẳng loạn là *tu*. Khiến khởi lên công đức của Phật là *tướng*. Sanh lòng cung kính là *vị*, hay chức năng của việc niệm Phật. Làm cho lòng tin được tăng thêm lên là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của việc niệm Phật. Nếu tu hành *niệm Phật* thành thì đắc được mười tám *công đức*: có sự tăng trưởng về (1) niềm tin; (2) niệm; (3) trí huệ; (4) cung kính; (5) công đức; (6) được nhiều hoan hi; (7) kham chịu được khổ hạnh; (8) liả xa sự lo sợ; (9) đối với các pháp chẳng lạnh, biết tự thẹn (*tàm*) và biết xấu hổ với người (*quí*); (10) thường được gần thầy; (11) tâm vui nơi đất Phật; (12) đi hướng về nẻo lành; (13) sau rốt chứng được Niết-bàn...



Như có nói trong Kinh Niết Đê (*Netri Sutra*), "Người muốn niệm Phật, phải nên kính ngưỡng nơi có tượng Phật."

Thế nào là **tu hành**? Người mới tập thiền đi đến nơi yên vắng, nhiếp tâm chẳng loạn, lấy tâm chẳng loạn ấy mà niệm: *Như Lai Thế tôn, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn*. Do tất cả các công đức đó, Ngài đã đến bờ bên kia.

**Thế tôn** là, được thế gian khen ngợi, nên gọi là Thế tôn; lại được diệu pháp, nên gọi là Thế tôn; được sự cúng dường, nên gọi là Thế tôn; đầy đủ phước đức, nên gọi là Thế tôn; làm bậc giáo chủ, nên gọi là Thế tôn; do các nhân duyên đó nên gọi là Thế tôn. Cũng do các nhân duyên đó và được sự cúng dường, nên gọi là **A-la-hán**. Đã giết xong các giặc phiền não, nên gọi là A-la-hán. Bẻ gãy vòng sanh tử, nên gọi là A-la-hán.

**Chánh biến tri** là, biết rõ thật đứng đắn tất cả mọi hành động, mọi pháp, nên gọi là *chánh biến giác* (*chánh* = chơn chánh, đứng đắn; *biến* = khắp cả; *giác* = biết); lại diệt được vô minh (= sự ngu tối), nên gọi là chánh biến giác; do tự lực chính mình mà được đạo Bồ-đề vô thượng, nên gọi là chánh biến giác.

**Minh hạnh túc** là, **minh** là ba *minh*: (1) *túc mạng minh*, (2) *chúng sanh sanh tử minh*, (3) *lậu tận minh*. Thế tôn dùng trí túc mạng minh (= biết đời trước) cắt đứt sự vô minh trong quá khứ, dùng trí sanh tử minh (= biết lẽ sống chết) cắt đứt sự vô minh trong tương lai, và trí lậu tận minh (= tận diệt các phiền não) cắt đứt sự vô minh trong hiện tại. Đã cắt đứt xong sự vô minh trong quá khứ, Thế tôn khi niệm đến quá khứ liền thấy tất cả hành động về đời trước hiện lên. Đã cắt đứt sự vô minh trong tương lai, Thế tôn khi niệm đến tương lai liền thấy tất cả hành động vào đời sau hiện lên. Đã cắt đứt sự vô minh trong hiện tại, Thế tôn khi niệm đến hiện tại liền thấy tất cả hành động trong hiện tại hiện lên. **Hạnh** là, *giới* và *định* đều đầy đủ. *Giới* là, có đầy đủ tất cả các pháp lành, nên gọi là minh hạnh túc (*túc* = đầy đủ); lại có đầy đủ các thần thông, nên gọi là minh hạnh túc. *Đầy đủ* là, Thế tôn đắc tất cả định.

Như thế, do nhứt thiết trí (= trí hiểu biết tất cả mọi sự vật), do ba minh và do chánh hạnh, Thế tôn đắc đại từ bi, làm lợi ích cho cả thế gian, nên được sự tự tại. Do biết khắp cả mọi cõi, Ngài luận Đạo chẳng ai thắng nổi. Đã diệt xong các phiền não, do chánh hạnh thanh tịnh, do đầy đủ ba minh, Ngài là con mắt của thế gian hiện đem lợi ích đến nơi nào còn thiếu lợi ích. Do đầy đủ các hạnh, Ngài thành nơi nương tựa của thế gian, cứu vớt mọi sự lo sợ. Do minh trí giải thoát theo ý nghĩa bực nhứt, do đắc sự thông đạt, do chánh hạnh, Ngài thành bậc tế độ cho cả thế gian. Nơi tất cả mọi sự việc, chẳng cần học với thầy nào, bẻ gãy vào hành động thật bình đẳng, Ngài đắc được sự an tịch vô thượng. (...)

**Thiện thế** là, tới được nơi đường lành, nên gọi là *thiện thế*. Chẳng hề lùi trở lại, đã đến cõi Niết-bàn vô vi, nên gọi là thiện thế. Lại nữa, nói pháp chẳng điên đảo, nên gọi là thiện thế. Pháp của Ngài chẳng chút ti vết, nên gọi là thiện thế. Pháp của Ngài chẳng chút lỗi lầm, nên gọi là thiện thế. Pháp của Ngài chẳng nhiều cũng chẳng ít, nên gọi là thiện thế.

**Thế gian giải** là, thế gian có hai thứ: (1) *chúng sanh thế gian* và (2) *hành thế gian*. Thế tôn, qua tất cả hành động, biết rõ mọi *chúng sanh trên thế gian*, Ngài biết mọi ham muốn của họ, mọi căn cơ sai biệt, mọi đời sống kiếp trước. Ngài dùng thiên nhãn theo dõi sự chết đi sanh lại, sự hoà hiệp, sự thành tựu, loài nào dễ cảm hóa, loài nào chẳng kham giáo hoá, mọi nẻo tái sanh, mọi đường lành dữ, mọi nghiệp báo, mọi loại phiền não, mọi pháp thiện ác, mọi sự trói buộc cõi mờ. (...) Lại nữa, Thế tôn biết tất cả *mọi hành* (= mọi hành vi tạo nghiệp), qua các nhân và các quả của nghiệp, qua định tướng, qua tự tướng, qua nhân duyên lành, chẳng sanh, và vô ký, qua mọi ám, giới, và nhập, qua sự biết rõ về vô thường, khổ, vô ngã, qua sự sanh, sự bất sanh, tất cả mọi hành như thế. (...)



**Vô thượng** là, ở thế gian, chẳng gì cao hơn nữa, chẳng có ai bằng được, tối thắng chẳng ai so sánh được, chẳng ai vượt qua nổi, nên gọi là *vô thượng*.

**Điều ngự trượng phu** là, có ba hạng người: (1) nghe pháp liền ngộ, (2) nghe thuyết về nhân duyên; (3) nghe thuyết về đời kiếp trước, nhưng Thế tôn lại còn điều luyện thuần thực con đường giải thoát tám ngành nữa, nên thân phục và thuần hoá được chúng sanh, mới gọi là vị điều ngự trượng phu.

**Thiên nhơn sư** là, Thế tôn hay độ thoát cho Trời, người, qua khỏi cảnh sanh, già, chết, trong rừng đời đầy lo sợ, nên gọi là Thầy của Trời và người. Lại nữa, Ngài dạy cho thấy con đường Đạo, nên gọi là thầy của Trời và người.

Do môn này, do việc tu hành này, người toạ thiên nên như thế mà **niệm Như Lai**.

Lại nữa, theo lời dạy của thầy bốn sư, có bốn cách để niệm công đức của Phật Thế tôn: (1) do nhân duyên tích xưa, (2) do khởi tự thân, (3) do đắc được pháp tối thắng, (4) do làm lợi ích cho chúng sanh.

Từ sở nguyện ban sơ cho chí đến đời sống cuối cùng, trong khoảng giữa thời gian dài lâu hai mươi a tăng kỳ kiếp, Ngài đã quán thấy hàng trăm ngàn ức chúng sanh với căn cơ của họ, nên sanh lòng thương xót chúng sanh ở thế gian: "Ta đã được giải thoát, phải nên khiến họ được giải thoát; Ta đã nhập Niết-bàn, phải nên khiến họ được nhập Niết-bàn." Bồ thí, trì giới, xuất ly, nhẫn nhục, điều đức, thọ trì, từ, xả, tinh tấn, trí huệ, tất cả các công đức đều đầy đủ, nên Ngài mới đắc đạo Bồ-đề.

Thế tôn có nói về **sự tích bốn sanh** của Ngài, lúc còn ở quả vị Bồ-tát, như Ngài từng sanh làm *con chó* thường theo hạnh bố thí. Về sự tích sanh làm *Khà hộ* (*Samkhapāla*), nên niệm trì giới; về sự tích sanh làm *Ma-ha Cô-tần-đà* (*Maha Govinda*), thì niệm hạnh xuất ly; về sự tích sanh làm *Phổ minh* (*Khanti*) thì niệm hạnh nhẫn nhục; về sự tích sanh làm *Ô-kiến* (*Maha Sutasoma*) thì niệm hạnh thực ngữ (= nói lời chơn thật); về sự tích sanh làm *Đê-Thích* (*Sakkha*), niệm hạnh từ bi; về sự tích sanh làm *Mao thụ* (*Lomahamsa*) thì niệm hạnh xả; về sự tích sanh làm *thương chủ*, thì niệm hạnh chánh trực; về sự tích sanh làm *con chuông* (= nai con), thì niệm hạnh trí huệ; về sự tích sanh làm *Trường thọ* (*Dighiti Kosala*), thì niệm lời của người cha; về sự tích sanh làm con *voi trắng sáu ngà*, thì niệm sự cung kính đối với chư Thiên; về sự tích sanh làm con *ngựa trắng* thì niệm việc sang nước La sát để cứu độ chúng sanh; về sự tích sanh làm *con nai*, thì niệm việc bỏ mạng mình để cứu mạng kẻ khác; về sự tích sanh làm *con khỉ*, thì niệm việc giải thoát cho một người đang bị đau khổ nặng nề; và cũng niệm việc con khỉ cứu người sa xuống hố sâu, đem hoa trái cho ăn, nhưng người lại đòi ăn thịt, nên bị người đập lỗ đầu, mà rồi lại cũng chỉ đường lành cho người. Như thế, qua các sự tích bốn sanh, nên niệm công đức của Thế tôn.

Thế nào là **niệm công đức Thế tôn hy sanh thân mình**? Thế tôn đã có đầy đủ công đức về các đời sống trước. Ngay trong đời này, từ thuở thiếu thời, đã lià các nơi cư trú, lià cha mẹ, vợ con, bạn bè, một mình đi đến nơi hoang vắng, để cầu Niết-bàn vô vi, tịch diệt. Tại nước Magadha (*Magadha*, *Ma-kiệt-đà*), lội qua sông Ni-liên-thiên (*Neranjara*), ngồi dưới cội cây Bồ-đề, hàng phục Ma vương và các quỷ binh. Vào khoảng canh đầu, nhớ lại các đời kiếp trước. Vào khoảng canh giữa, đắc được thiên nhân. Đến canh cuối, chứng được Khổ, Đoạn, Tập, cùng Bát Chánh đạo, đắc được lậu tận, thành tựu Bồ-đề giác. Ngài đã khởi thân ra khỏi cảnh thế gian, an trú vào cõi thanh tịnh bậc nhất, dứt tận mọi phiền não. Như thế, nên theo các hành môn đó mà niệm công đức của Thế tôn đã khởi thân ra khỏi cảnh thế gian.

Thế nào là **niệm công đức Thế tôn đắc pháp tối thắng**? Nên niệm Thế tôn được tâm giải thoát, có đủ mười lực, mười bốn thứ Trí huệ Phật, mười tám pháp của Phật, và nhiều thiên pháp khác, thành tựu được sự tự tại và đến bờ bên kia.

Thế nào là Thế tôn thành tựu được *mười lực*? Như Lai biết rõ chỗ sai, chỗ đúng, biết đúng như thật. Như Lai biết rõ nhân duyên, nghiệp lành, quả báo trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại, biết đúng như thật. Như Lai biết thấu tất cả mọi cảnh giới đầy đủ, biết đúng như thật. Như Lai biết rõ sự sai biệt giữa mọi giới hạnh chúng sanh trên thế gian, biết đúng như thực. Như Lai biết rõ mọi tham muốn của mọi loài chúng sanh, biết đúng như thật. Như Lai biết rõ mọi căn cơ của mọi loài chúng sanh, biết đúng như thật. Như Lai biết rõ thiên, giải thoát, định, chánh thọ, còn phiền não, chẳng còn phiền não, biết đúng như thật. Như Lai biết rõ đời sống quá khứ, biết đúng như thật. Như Lai biết sự sống chết của chúng sanh, biết đúng như thật. Như Lai biết rõ sự tận diệt các lậu hoặc, biết đúng như thật. Đó là mười sức mạnh (*thập lực*) Thế tôn đã thành tựu.

Thế nào là Thế tôn thành tựu *mười bốn loại trí huệ Phật*? Các loại Trí huệ Phật là: Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Trí phân biện nghĩa, Trí phân biện pháp, Trí phân biện chữ, Trí phân biện vui nói, Trí hiểu biết các căn, Trí hiểu biết các ham muốn của chúng sanh, Trí hiểu biết các phiền não và kết sử, Trí song biến, Trí đại từ bi, Nhứt thiết trí, Trí vô ngại. Mười bốn loại trí đó, Thế tôn đều thành tựu.

Thế nào là Thế tôn thành tựu *mười tám pháp*? Phật trí vô ngại về quá khứ, Phật trí vô ngại về vị lai, Phật trí vô ngại về hiện tại; tùy nơi Phật trí mà khởi lên khắp thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Do sáu pháp vừa kể, Thế tôn thành tựu được ý chí chẳng thoái chuyển, tinh tấn chẳng thoái chuyển, niềm chẳng thoái chuyển, định chẳng thoái chuyển, huệ chẳng thoái chuyển, giải thoát chẳng thoái chuyển. Do mười hai pháp vừa kể, Thế tôn thành tựu sự vắng bóng việc khả nghi, sự vắng bóng việc vu dối, sự vắng bóng điều chẳng phân minh, sự vắng bóng việc vợi vả, sự vắng bóng nơi ấn dấu, sự vắng bóng xả chẳng quán. *Vắng bóng việc khả nghi* có nghĩa là, uy nghi của Ngài chẳng có điều gì khiến ta có thể nghi là lừa dối. *Vắng bóng việc vu dối*, có nghĩa là uy nghi chẳng hề lừa đảo. *Vắng bóng điều chẳng phân minh* có nghĩa là, chẳng có điều gì mà Trí của Ngài chẳng tiếp xúc đến được. *Vắng bóng việc vợi vả* có nghĩa là, uy nghi chẳng hề vợi vàng. *Vắng bóng nơi ấn dấu* có nghĩa là, chẳng có tâm hành nào mà chẳng nhớ biết đến. *Vắng bóng xả chẳng quán* có nghĩa là, bất cứ hành động xả nào cũng đều quán biết hết cả. Như thế, Thế tôn thành tựu mười tám Phật pháp.

Lại nữa, Thế tôn lấy bốn điều chẳng sợ, bốn lãnh vực quán niệm, bốn chánh cần, bốn thần túc như ý, năm căn, năm lực, sáu thần thông, bảy phần Bồ-đề, tám phần bát chánh đạo, tám sự điều ngự, tám điều giải thoát, chín cấp định theo thứ lớp, mười nơi Thánh trú, mười sức tận diệt lậu hoặc, và các loại thiện pháp khác nữa, nên Thế tôn đã đến bờ bên kia viên mãn.

Như thế, theo các hành môn đó mà niệm công đức Thế tôn đắc được các thắng pháp.

Thế nào là niệm công đức Thế tôn *làm lợi ích cho thế gian*? Thế tôn đã thành tựu tất cả các công đức, đến bờ bên kia, vì lòng từ bi thương xót chúng sanh nên chuyển Pháp luân, cả thế gian chẳng ai chuyên nổi. Chẳng dùng đường lối bí mật cả trong Pháp lẫn ngoài Pháp, Ngài đã mở rộng cửa Đạo cho Trời và người. Biết bao nhiêu chúng sanh đã hưởng được một phần, khiến được hưởng đầy đủ trọn phần công đức. Do ba loại biến hoá: thân biến, thuyết biến và giáo biến, khiến thế gian tin tưởng, chế phục tà kiến, tà sư, ác đạo, khai mở đường lành, sanh lên cõi Trời, được quả giải thoát. Dùng Pháp Thanh văn, chế định giới luật, giảng giới bốn (*Pātimokkha, Ba-la-đề-mộc-xoa*), khiến hàng Thanh văn được an trú, đắc lợi dưỡng tốt, được Phật pháp tối thắng, và được tự tại. Khắp cả thế gian, mọi loài chúng sanh, đều cung kính, tôn trọng, cho đến hàng Trời, người cũng đều nghe biết. An trú bất động nơi tâm từ bi, Thế tôn làm lợi ích cho thế gian như thế.

Người toạ thiền nên theo cách hành trì đó mà niệm công đức của Như Lai, dùng công đức đó mà niệm cho tâm thêm tin tưởng; nhờ tin tưởng đưa đến sự tự tại, và khi niệm được tự tại rồi thì tâm chẳng còn thường loạn nữa. Nếu đã chẳng loạn, tâm ấy diệt được các triền cái, khởi các thiền chỉ thành tựu thiền nội hành mà an trú.

*Hỏi:* Tại sao niệm Phật làm khởi lên nội hành mà chẳng được an?

*Đáp:* Niệm công đức Phật là một đề tài thâm sâu, ý nghĩa rất cao và vi tế, vì thế nên tâm chẳng được an. Lại nữa, vì phải niệm rất nhiều công đức khác nhau mà người toạ thiền phải nhớ nghĩ đến, tâm duyên theo đó tác ý cùng khởi lên, thành ra chẳng được an; đây là hành tướng của tất cả thiền ngoại hành.

*Hỏi:* Nếu niệm nhiều công đức, tâm đã chẳng gom lại làm một, thì thiền ngoại hành chẳng thành được. Nếu chuyên nhưt tâm, thiền ngoại hành có thể thành chăng?

*Đáp:* Nếu niệm công đức của Như Lai và niệm Phật mà thành nhưt tâm, thì chẳng có gì trở ngại. Lại nữa, có thuyết cho rằng, niệm Phật có thể khởi lên Tứ thiền.

*Niệm Phật chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Niệm Pháp**? Thế nào là tu, tướng, vị, xứ? Tu niệm Pháp như thế nào?

*Đáp:* **Pháp** là, sự tịch diệt, hay Niết-bàn, và sự tu hành dẫn đến Niết-bàn.

Thế nào là **Niết-bàn**? Diệt tất cả mọi hành động, liả tất cả phiền não, trừ bỏ sự tham ái, trở nên chẳng nhiễm dơ và yên tịch, đó là Nê-hoàn, hay là Niết-bàn.

Thế nào là *tu hành dẫn đến Niết-bàn*? Tu bốn lãnh vực quán niệm, bốn chánh cần, bốn thân túc như ý, năm căn, năm lực, bảy yếu tố giác ngộ, con đường chánh đạo tám ngành, đó là tu hành dẫn đến Niết-bàn. Niệm Pháp có được công đức xuất ly (= xa liả), và công đức thấy được con đường Đạo. Khi niệm, niệm theo sát niệm và giữ chánh niệm, đó gọi là *niệm Pháp*. Tâm chẳng loạn an trú vào Pháp, đó gọi là *tu*. Khi niệm khởi lên công đức của Pháp, đó là *tướng niệm Pháp*. Lựa chọn Pháp, phân tách Pháp, đó là *vị*, hay chức năng của việc niệm Pháp. Giải rõ nghĩa, đó là *xứ*, hay phạm vi hoạt động của việc niệm Pháp. Niệm Pháp có công đức bằng với niệm Phật.

*Tu niệm Pháp như thế nào?* Người mới tập thiền đi đến nơi yên tịch, ngồi xuống nhiếp tâm chẳng loạn, và khởi Niệm Pháp như sau: Pháp do Thế tôn khéo giảng, được hiện chứng chẳng đợi thời, đến với Pháp sẽ thấy đường Đạo tương ứng với trí huệ, người hiện chứng có thể biết được. *Pháp do Thế tôn khéo giảng* có nghĩa là, pháp này liả cả hai bên cực đoan, chẳng mâu thuẫn, chẳng sai lầm, đủ khéo từ đầu, ở giữa và chỗ cuối đều khéo, tràn đầy thanh tịnh, khiến thấy được Niết-bàn và con đường tu hành dẫn đến Niết-bàn, cho nên mới gọi là khéo giảng. *Hiện chứng* có nghĩa là, tuân tự được sự tịch diệt cùng đạo quả Niết-bàn, nên gọi là hiện chứng. *Chẳng đợi thời* có nghĩa là, chẳng đợi đến lúc khác mới đắc quả. *Đến với Pháp sẽ thấy đường Đạo* có nghĩa như là, anh hãy đến với tôi, rồi sẽ thấy pháp lãnh này có đặc tánh kham dạy được kẻ khác, đó gọi là hề đến sẽ thấy được đường Đạo. *Tương ứng với Trí huệ* có nghĩa là, nếu người có trí huệ thọ trì Pháp này sẽ hướng về quả Sa-môn, gia nhập vào giới bát tử, cho nên gọi đường Đạo này tương ứng với trí huệ. *Người hiện chứng có thể biết được* có nghĩa là, người thọ trì Pháp này, nếu chẳng còn theo lời dạy của kẻ khác, thì khởi sanh lên được Diệt trí, vô sanh trí và giải thoát trí, đó gọi là hiện chứng được *trí huệ*.

Lại nữa, người toạ thiền còn nên *niệm: Pháp* như là mắt, là trí, là an lạc, là cửa dẫn tới cõi bất tử, là xuất ly, là phương tiện đưa đến cõi tịch diệt, vô sanh, vô vi (...), là diệu trí đưa tới bờ bên kia, là nơi nương tựa.

Người toạ thiền theo đường lối đó niệm công đức của Pháp, hiện niệm đến khi tâm khởi lòng tin; nhờ niềm tin mà tâm trú chẳng loạn; dùng tâm chẳng loạn mà diệt các triền cái, khởi lên các thiền chi, đắc được thiền ngoại hành và an trú.

Phần còn lại như được nói rộng trước đây.

## Niệm Pháp chấm dứt.

**Hỏi:** Thế nào là **Niệm Tăng**? Thế nào là tướng, vị xứ, công đức. Thế nào là tu **niệm Tăng**?

**Đáp:** **Tăng** là, Thánh tăng hoà hiệp, đó gọi là Tăng. Hiện niệm Tăng là công đức tu hành. Niệm đó theo sát niệm, giữ chánh niệm, đó gọi là niệm Tăng. Trú vào niệm đó chẳng loạn là *tu*. Niệm khởi lên công đức của Tăng là *tướng*. Tâm cung kính là *vị*, hay là chức năng của việc niệm Tăng. Công đức vui vẻ và hoà hiệp là *xứ*, hay là phạm vi hoạt động của việc niệm Tăng. Công đức của việc niệm Tăng bằng với công đức niệm Phật.

*Tu hành niệm Tăng như thế nào?* Người mới tập thiền đi đến nơi yên tịch, nhiếp tâm chẳng loạn, tâm khởi niệm tưởng khéo tu hành như vậy: "Cộng đồng các Sa-môn của Thế tôn tu theo đúng sự *nhuận thiện* (*nhuẩn = nhuẩn = mềm mòng; thiện = lành*); Cộng đồng các Sa-môn của Thế tôn tu theo đúng *Như pháp*; Cộng đồng các Thánh chúng của Thế tôn tu theo đúng sự *hoà hiệp*".

*Cộng đồng các Thánh chúng của Thế tôn*, có nghĩa là bốn đôi tám cặp (*tứ song bát bối*, tức là bốn đạo và bốn quả vị Thánh). Cộng đồng ấy xứng đáng được cung kính cúng dường, đáng được kẻ khác chấp tay vái lạy, là phước điền vô thượng của thế gian. Như thế, Cộng đồng các Sa-môn của Thế tôn *khéo tu hành theo đúng* là khéo thuyết pháp; khéo làm lợi ích cho người và cho mình, chí đến chỗ thật là đầy đủ. Cộng đồng ấy chẳng có kẻ thù oán; lià hai bên cực đoan, nơi theo Trung đạo. *Nhuận thiện* có nghĩa là, lià bỏ sự đối nghịch, lià bỏ sự tà khúc nơi thân và miệng (*tà = xiêng xéo; khúc = cong vạy*). *Tu theo đúng Như Pháp* là, theo con đường Thánh đạo tám ngành, nên gọi là tu theo *Như*. Lại nữa, *Như* có nghĩa là, nói đến Niết-bàn, tu theo để đắc được Niết-bàn. Thế tôn giảng bốn Chơn lý Nhiệm mầu (*Tứ thánh đế*), tu theo đó, nên gọi là tu theo *Như*. *Tu đúng theo sự hoà hiệp* là, sống hoà hiệp với Cộng đồng các Sa-môn, một cách đầy đủ. Nếu theo đúng như thế mà hành động cho hoà hiệp, thì thành được quả lớn, đắc công đức to.

*Bốn đôi tám cặp* là, theo đúng đạo *Tu-đà-huần* và được *quả* ấy, là một *đôi*; trú trong đạo *Tu-đà-hàm* và đắc *quả* ấy, là *đôi* thứ hai; theo đúng đạo *A-na-hàm* và được *quả* ấy, là *đôi* thứ ba; trú trong đạo *A-la-hán* và đắc *quả* ấy, là *đôi* thứ tư. Đó gọi là bốn *đôi*. *Tám cặp* là, bốn *hướng* (= đạo) và bốn *quả* (= quả vị), thành ra tám cặp. *Sa-môn* là, theo pháp đã được nghe giảng mà tu thành tựu, đó gọi là Sa-môn. *Tăng* là, bực Thánh tăng hoà hiệp, xứng đáng được thỉnh, cúng dường, hiến thí, cung kính, làm phước điền vô thượng cho thế gian. *Xứng đáng được thỉnh* là kham thọ lời mời của kẻ khác. *Xứng đáng được cúng dường và hiến thí* là, khi nhận cúng dường, hiến thí, khiến kẻ dâng cúng được quả báo lớn.(...) *Làm phước điền vô thượng cho thế gian* là, *vô thượng* có nghĩa công đức đến mức tối đa; *phước điền* là nơi mà mọi người tạo phước đức.

Người toạ thiền còn *niệm Tăng* bằng cách niệm công đức Cộng đồng các Sa-môn như là một cộng đồng tối thắng, hết sức chơn thật, đầy đủ giới đức, đầy đủ định lực, đầy đủ trí huệ, đầy đủ giải thoát và đầy đủ giải thoát tri kiến.

Người toạ thiền do theo đường lối tu hành này, hiện niệm công đức chư tăng, cho đến khi tâm tăng niềm tin; nhờ niềm tin ấy, tâm trở nên chẳng loạn, rồi dùng tâm chẳng loạn ấy mà diệt các triền cái, khởi lên ngoại thiền và an trú vào đó.

Phần còn lại như đã nói rộng qua trước đây.

## Niệm Tăng chấm dứt.

**Hỏi:** Thế nào là **Niệm Giới**? Thế nào là tu, tướng, vị, công đức. Tu hành **Niệm Giới** cách nào?

*Đáp:* Đó là niệm về công đức của sự trì giới thanh tịnh. Niệm ấy theo sát niệm, giữ đúng chánh niệm, đó là *niệm giới*. Niệm giới này an trú chẳng loạn, đó gọi là *tu*. Khiên khởi lên được công đức của giới, đó là *tướng* của việc niệm giới. Thấy được các lỗi lầm và sanh lo sợ phạm lỗi, đó là *vị*, hay là chức năng của việc niệm giới. Được sự hoan hỷ vì đã chẳng có lỗi lầm nào, đó là *xú*, hay phạm vi hoạt động của việc niệm giới.

Người tu niệm giới thành tựu thì được mười ba công đức: biết tôn trọng thầy, trọng pháp, trọng tăng, trọng sự học giới, trọng sự cúng dường, trọng sự chẳng buông lung; thấy được và biết sợ các lỗi nhỏ nhiệm, giữ mình và bảo vệ kẻ khác, giải thoát khỏi nỗi lo sợ về thể giới này cùng các thể giới khác, được nhiều hoan hỷ, được thọ hưởng tất cả công đức về giới. Đây là các *công đức* của việc niệm giới.

Thế nào là tu hành *niệm giới*? Người mới tập thiền đi đến nơi yên tịch, ngồi nhiếp tâm chẳng loạn, niệm giới của tự thân mình, thấy chẳng nghiêng ngã, chẳng bị phá thủng, chẳng dính dóm, chẳng nhiễm dơ, chẳng tạp nhạp, được tự tại, được bực có trí huệ khen ngợi, chẳng chỗ xúc chạm, khiến định khởi lên được. Nếu chẳng nghiêng ngã, thì chẳng bị phá thủng; nếu chẳng bị phá thủng, thì chẳng nhiễm dơ; các điểm khác có thể biết được theo cách đó. Lại nữa, nếu giới được thanh tịnh tràn đầy thì đó là trú xứ của pháp lành, vì thế mà chẳng nghiêng, chẳng thủng. Vì giới khiến cho danh dự của bộ tộc được ngợi khen, cho nên chẳng dính dóm, chẳng nhiễm dơ. Do sự cất bỏ tham ái, nên gọi là được tự tại. Được niềm vui của bực Thánh, nên chẳng có lỗi lầm. Được bực trí huệ khen ngợi, lia sự trộm giới, nên gọi là chẳng chỗ xúc chạm. Thành tựu đến nơi chẳng thoái chuyển, nên khiến định khởi lên.

Người tọa thiền còn niệm giới theo cách khác, gọi giới là niềm vui chẳng có lỗi lầm, được bộ tộc trân quý, xem như tài vật, được tự tại, như trước có nói qua. Công đức của giới được nói rộng ra như thế, có thể biết được. Người tọa thiền theo cửa này tu hành, lấy các công đức đó mà niệm giới, hiện niệm cho đến khi lòng tin tăng thêm; do niềm tin ấy tâm trở nên chẳng loạn, rồi dùng tâm chẳng loạn mà diệt bỏ các triền cái, khởi lên các thiền chi của thiền ngoại hành mà an trú.

Các chỗ còn lại đã được nói rộng qua trước đây.

*Niệm Giới chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Niệm Thí**? Thế nào là tu, tướng, vị, công đức? Thế nào là tu hành *Niệm Thí*?

*Đáp:* *Thí* là, vì lợi ích cho kẻ khác nên vui mà giúp ích cho kẻ khác, vì kẻ khác mà xả bỏ được tài vật của mình, đó gọi là thí. Lấy công đức của niệm thí mà hiện niệm về xả bỏ. Niệm này theo sát niệm, giữ đúng chánh niệm, đó gọi là *niệm thí*. Niệm thí này an trú chẳng loạn, đó gọi là *tu*. Khiên khởi lên công đức của sự thí, đó là *tướng*. Chẳng tích trữ là *vị*, hay là chức năng của việc niệm thí. Chẳng bòn xén là *xú*, hay là phạm vi hoạt động của việc niệm thí. Nếu người tu hành niệm thí thành tựu thì được mười công đức: được niềm vui, chẳng bòn xén, chẳng tham, ý vì nhiều người, khéo nghĩ đến ý kẻ khác, chẳng lo sợ nơi đông người, nhiều hoan hỷ, có lòng từ bi, hướng theo nẻo lành và Niết-bàn.

*Tu hành thí như thế nào?* Người mới tập thiền đi đến nơi yên tịch, ngồi nhiếp tâm chẳng loạn, tâm tự niệm thí, như vậy: Ta xả bỏ vật của ta để làm lợi cho kẻ khác, nên ta được nhiều phước. Nhớ bản từ bòn xén mà xuất ra, tâm ta trú nơi chẳng bòn xén, nên chẳng nhớ bản. Thường thì luôn, thường vui bố thí, thường cung cấp và thường phân phát rộng rãi.

Người tọa thiền tu hành theo đường lối này, lấy công đức của việc thí mà niệm, khiến tâm tăng thêm niềm tin, nhờ niềm tin ấy mà tâm thường chẳng loạn, rồi dùng tâm chẳng loạn mà diệt mất các triền cái, khởi lên các thiền chi của thiền ngoại hành mà an trú vào đấy.

Phần còn lại giống như chỗ đã nói rộng qua trước đây.

## Niệm Thí chám dứt.

**Hỏi:** Thế nào là **Niệm Thiên**? Thế nào là tu, tướng, vị, xứ, công đức? Thế nào là tu hành niệm Thiên?

**Đáp:** Y theo công đức được sanh lên cõi Trời mà niệm công đức của mình, niệm đó theo sát niệm, giữ chánh niệm, đó gọi là *niệm Thiên*. Niệm Thiên đó chẳng loạn, gọi là *tu*. Khiến khởi lên công đức của tự thân bằng với công đức sanh cõi Trời, đó là *tướng*. Nơi công đức đó có lòng ái kính, đó là *vị*, hay là chức năng của việc niệm Thiên. Tin tưởng vào quả báo của công đức sanh cõi Trời, gọi là *xứ*, hay là phạm vi hoạt động của việc niệm Thiên. Người tu hành niệm Thiên được thành tựu thì đắc được tám công đức: năm pháp được tăng cường, tín, giới, vãng (= nghe pháp), thí, huệ; được Trời người nhớ nghĩ đến và thương kính; được hoan hỉ lớn khi nghĩ đến quả báo công đức niệm Thiên, thân mình tự trọng và được người khác quý mến; việc niệm giới, niệm thí được thêm dễ dàng; hướng theo nẻo lành và Niết-bàn.

**Tu hành niệm Thiên như thế nào?** Người mới tập thiền đi đến nơi yên tịch, ngồi nhiếp tâm chẳng loạn, dùng tâm chẳng loạn mà niệm Thiên, có Bốn Thiên vương, có cõi Trời Ba mươi ba, có cõi Trời Viêm ma, có cõi Trời Đâu suất, có cõi Trời Hoá lạc, có cõi Trời Tha hoá tự tại, có cõi Trời Phạm. Các vị Thiên tin tưởng được sanh cõi Trời, chết cõi này sanh qua cõi kia. Còn Ta cũng lại như thế, có lòng tin như thế, giữ giới như thế, nghe pháp như thế, bố thí như thế, trí huệ như thế, chư Thiên đó sanh đến cõi đó, thì ta cũng được như vậy (...)

Người toạ thiền đó do theo đường lối tu hành như thế, niệm công đức của bậc Thiên, cho đến khi lòng tin được tăng trưởng, do lòng tin đó mà tâm trở nên chẳng loạn, rồi dùng tâm chẳng loạn mà đoạn diệt hết các triền cái, khởi lên các thiền chi của thiền ngoại hành mà an trú vào đây.

**Hỏi:** Tại sao niệm công đức Thiên mà chẳng niệm công đức của Người?

**Đáp:** Công đức của chư Thiên tối diệu, sanh ra nơi tối diệu, thành ra xứ tối diệu, nên tâm ở nơi xứ tối diệu tu hành dễ trở thành diệu. Vì thế nên niệm công đức chư Thiên, mà chẳng niệm công đức của người.

Phản còn lại giống chỗ đã được nói rộng qua trước đây.

*Niệm Thiên chám dứt.*

**(Giải Thoát Đạo Luận: Quyển thứ Sáu chám dứt).**

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#)

Phản Chánh văn: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#)  
Phản tìm hiểu: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#) | [Tổng kết](#)

Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 16-01-2004